

## TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

# TRỌN ĐỜI YÊU THƯƠNG - GÓI KIM CƯƠNG

*Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cả gia đình*



### **Bảo vệ gia đình Việt**

Bảo vệ và mang lại sự bình an cho cả gia đình



### **Bảo vệ sức khỏe Việt**

Phạm vi bảo vệ toàn diện trước mọi rủi ro trong cuộc sống



### **Bảo vệ lợi ích Việt**

Hoạch định tài chính linh hoạt để hướng tới tương lai vững bền và thịnh vượng

**Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ:** Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Với hệ thống mạng lưới vững chắc gồm **76 Công ty thành viên** trên khắp 63 tỉnh thành, **380 văn phòng giao dịch**, cùng hơn **190.000 Tư vấn viên**, Bảo Việt Nhân thọ đã và đang bảo vệ cho hơn **14,2 triệu lượt khách hàng** với tổng số tiền chi trả quyền lợi và đáo hạn gần **35.000 tỷ đồng**, đóng góp hiệu quả vào ngân sách Nhà nước và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội.

**Trụ sở chính:** Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Tổng đài** 1900 558899 **Fax** 024.35770958

**Tư vấn viên: Lê Minh Hải**

Mã số: D100100481

Điện thoại: 0983088312

Nhóm/Ban: Nhóm PA - NHN

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Hà nội

Số 94 phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm



BMBH: Nguyễn Thị B  
Tư vấn viên: Lê Minh Hải

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.

Version BVL2019.UVL\_V1.1

BV-NCUVL01

Trang 1/14

**TÓM TẮT VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRỌN ĐỜI YÊU THƯƠNG GÓI KIM CƯƠNG**

<p><b>Bảo vệ gia đình Việt</b> - Bình an cho cả gia đình</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ trọn vẹn cho các thành viên trong gia đình trong chỉ một hợp đồng.</li> <li>- Bên cạnh quyền lợi dành cho Người được bảo hiểm chính, các thành viên khác trong gia đình được tham gia các quyền lợi bảo hiểm gia tăng phong phú.</li> <li>- Chỉ với mức phí bảo hiểm hợp lý, Quý khách được đảm bảo sự an tâm và ổn định cho cả gia đình.</li> </ul>
<p><b>Bảo vệ sức khỏe Việt</b> - Bảo vệ toàn diện trước mọi rủi ro</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền lợi cao với các nhu cầu bảo vệ thiết thực nhất bao gồm chăm sóc sức khỏe, thương tật và tử vong. Đồng thời, Hợp đồng chính được miễn đóng phí và duy trì hiệu lực khi có rủi ro xảy ra.</li> <li>- Chỉ với phí đóng 50.000.000 đồng/năm, tương đương khoảng 136.986 đồng/ngày cho Hợp đồng chính, Quý khách được bảo vệ trước rủi ro bất trắc với Số tiền bảo hiểm 2.000.000.000.</li> <li>- Được ứng trước khoản tiền mặt lên tới 500.000.000 đồng để hỗ trợ điều trị bệnh trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối.</li> </ul>
<p><b>Bảo vệ lợi ích Việt</b> - Đầu tư hiệu quả và hoạch định tài chính linh hoạt</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí bảo hiểm phân bổ được tích lũy và đầu tư theo Lãi suất công bố của Bảo Việt Nhân thọ, sinh lời an toàn và đều đặn hàng năm. Lãi suất cam kết tối thiểu 5% trong năm Hợp đồng đầu tiên; 4,5% cho năm Hợp đồng thứ 2; 4% cho năm Hợp đồng thứ 3 và thứ 4; 3,5% cho năm Hợp đồng thứ 5; 3% cho năm Hợp đồng thứ 6 đến năm Hợp đồng thứ 10; 2% cho các năm Hợp đồng thứ 11 trở đi.</li> <li>- Quyền lợi đáo hạn dự kiến: 15.415.126.641 đồng (đã bao gồm Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thương gia tăng Giá trị Tài khoản).*</li> <li>- Linh hoạt lựa chọn đóng phí bảo hiểm theo khả năng tài chính; lựa chọn Số Tiền Bảo Hiểm theo nhu cầu bảo vệ, lựa chọn đóng thêm phí để gia tăng đầu tư và hưởng kết quả đầu tư hấp dẫn từ Quỹ Liên Kết Chung, được rút tiền mặt từ Giá trị tài khoản Hợp đồng.</li> </ul>

**(\*) Giá trị tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến là 7%/năm**

### LÃI SUẤT CÔNG BỐ VÀ LÃI SUẤT DỰ KIẾN CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến áp dụng kể từ ngày 01/01/2019 là: 6%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 7,1%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 8,5%/năm (năm 2014).

### QUYỀN LỢI BẢO HIỂM GIA TĂNG CỦA CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ - GÓI KIM CƯƠNG

Sản phẩm bồi trợ	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo đảm
1. Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18)	Thương tật vĩnh viễn do tai nạn (*)	Theo "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm", tổng Quyền lợi tối đa là 100% STBH
	Tử vong do tai nạn thông thường (*)	100% STBH còn lại
	Tử vong khi đang sử dụng các phương tiện xe buýt, tàu hỏa, đường sắt trên cao, tàu điện ngầm (*)	200% STBH còn lại
	Tử vong khi đang đi trên các chuyến bay thương mại (*)	300% STBH còn lại
	Bỏng nặng do tai nạn (*)	100% STBH còn lại
	Chấn thương sọ não nặng do tai nạn (*)	100% STBH còn lại
	Nằm viện do tai nạn	0.2% STBH còn lại/ngày, tối thiểu 100.000 đồng/ngày, tối đa 1.000.000 đồng/ngày
	Phẫu thuật do tai nạn	2% STBH còn lại/lần phẫu thuật, tối thiểu 1.000.000 đồng/lần, tối đa 10.000.000 đồng/lần
2. Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19)	Nằm viện thông thường (*)	100% STBH/ngày
	Nằm viện tại Khoa Hồi sức cấp cứu (*)	200% STBH/ngày

	Trợ cấp phẫu thuật (*)	500% STBH/lần phẫu thuật
	Tử vong khi nằm viện	10 lần STBH
	Vận chuyển cấp cứu	200% STBH/lần, tối đa không quá 1.000.000 đồng
	Thưởng khi không có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (chỉ áp dụng với SPBT có thời hạn từ 09 năm trở lên)	Thưởng một định kỳ phí bảo hiểm năm của SPBT này trong kì xét thưởng (08 năm)
3. Bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15)	36 Bệnh lý nghiêm trọng	100% Số tiền bảo hiểm
4. Quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm (BV-NR8)	Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn hoặc Tử vong	Hợp đồng chính và Sản phẩm bổ trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
5. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bổ trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo

**(\*) Quyền lợi sẽ được chi trả theo quy định cụ thể nêu tại Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm bổ trợ đối với trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi.**

**THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN**

Ngày dự thảo: 16/08/2019

	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	CMND/Thẻ CCCD/HC	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	Nguyễn Thị B	01/01/1990	30	Nữ	321	
Người được bảo hiểm	Nguyễn Văn A	01/01/1986	34	Nam	123	
Người được bảo hiểm bổ sung 1	Nguyễn Văn C	01/01/2013	7	Nam	258	

**Thông tin về Hợp đồng Trọn Đời Yêu Thương (Gói Kim Cương)**

Số tiền bảo hiểm: 2.000.000.000 đồng Lựa chọn tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm: 0 % Quyền lợi bảo hiểm tử vong: Quyền lợi Cơ bản Lựa chọn nhận Quyền lợi đáo hạn: Tại tuổi 95	Thời hạn đóng phí: 10 năm Định kỳ đóng Phí bảo hiểm: Năm
---	---

	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm định kỳ năm (đồng)
<b>Trọn Đời Yêu Thương</b>	Nguyễn Văn A	2.000.000.000	50.000.000
<b>Quyền lợi của Sản phẩm bổ trợ</b>			
1. Bảo hiểm các Bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15)	Nguyễn Văn A	500.000.000	3.250.000
2. Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18)	Nguyễn Văn A	250.000.000	1.425.000
3. Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19)	Nguyễn Văn A	1.000.000	1.943.000
1. Quyền lợi miễn nộp Phí bảo hiểm (BV-NR8)	Nguyễn Thị B		750.300
2. Bảo hiểm các Bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15)	Nguyễn Thị B	500.000.000	3.100.000
3. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)	Nguyễn Thị B		1.620.000
4. Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18)	Nguyễn Thị B	250.000.000	1.250.000
5. Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19)	Nguyễn Thị B	1.000.000	1.891.000

1. Bảo hiểm các Bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15)	Nguyễn Văn C	500.000.000	2.450.000
2. Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18)	Nguyễn Văn C	250.000.000	1.425.000
3. Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19)	Nguyễn Văn C	1.000.000	1.316.000
<b>Tổng phí bảo hiểm các sản phẩm bổ trợ</b>			<b>20.420.300</b>
<b>Tổng phí bảo hiểm định kỳ (*)</b>			<b>70.420.300</b>
<b>Phí bảo hiểm đóng thêm dự kiến</b>			<b>0</b>

(\*) Tổng phí bảo hiểm định kỳ có thể thay đổi hàng năm phụ thuộc vào sản phẩm bổ trợ lựa chọn.

**Lưu ý:**

- Để được chấp nhận bảo hiểm sản phẩm Trọn đời Yêu thương, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 65 tuổi.
- Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ trong tài liệu minh họa này được làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.
- Sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15) có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm tại ngày tái tục.
- Sản phẩm bổ trợ Quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm (BV-NR8), Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17), Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18), Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19) có thời hạn bảo hiểm tối đa bằng thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính và có phí bảo hiểm không thay đổi.
- Sản phẩm bổ trợ có áp dụng quy định hạn mức chi trả tối đa theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản Sản phẩm bổ trợ tương ứng.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các sản phẩm bổ trợ:
  - + Bảo hiểm các Bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15): Từ 01 đến 60 tuổi. Độ tuổi trên 60 có thể được tiếp tục bảo hiểm nếu đã tham gia bảo hiểm liên tục ít nhất 5 năm, nhưng tuổi tối đa khi kết thúc bảo hiểm không quá 65 tuổi.
  - + Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17): Từ 01 đến 60 nhưng tuổi tối đa khi kết thúc thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ không quá 65 tuổi.
  - + Quyền lợi miễn nộp Phí bảo hiểm (BV-NR8): Từ 18 đến 60 nhưng không quá 70 tuổi tại thời điểm kết thúc thời hạn đóng phí.
  - + Bảo hiểm tai nạn toàn diện (BV-NR18), Bảo hiểm chăm sóc y tế (BV-NR19): Từ 0 đến 60 tuổi nhưng tối đa không quá 65 tuổi tại ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bổ trợ.

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH**

Đơn vị: **nghìn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết				
		Phí bảo hiểm định kỳ			QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
1	34	50.000	25.000	25.000	2.000.000	0	21.210	0	2.000.000	0	20.766	0	5.100	2.000.000	0	20.766	0
2	35	50.000	12.500	37.500	2.000.000	0	57.057	7.057	2.000.000	0	55.474	5.474	5.317	2.000.000	0	55.197	5.197
3	36	50.000	10.000	40.000	2.000.000	0	97.909	52.909	2.000.000	0	94.359	49.359	5.496	2.000.000	0	93.145	48.145
4	37	50.000	7.500	42.500	2.000.000	0	144.107	104.107	2.000.000	0	137.619	97.619	5.690	2.000.000	0	135.014	95.014
5	38	50.000	5.000	45.000	2.000.000	0	196.021	161.021	2.000.000	0	185.465	150.465	5.893	2.000.000	0	180.066	145.066
6	39	50.000	1.250	48.750	2.000.000	0	255.400	230.400	2.000.000	0	239.442	214.442	6.100	2.000.000	0	229.238	204.238
7	40	50.000	1.250	48.750	2.000.000	119	318.754	306.254	2.000.000	80	295.912	283.412	6.321	2.000.000	54	279.660	267.160
8	41	50.000	1.250	48.750	2.000.000	250	386.511	386.511	2.000.000	196	355.097	355.097	6.539	2.000.000	156	331.429	331.429
9	42	50.000	1.250	48.750	2.000.000	390	458.968	458.968	2.000.000	317	417.133	417.133	6.802	2.000.000	261	384.588	384.588
10	43	50.000	1.250	48.750	2.000.000	580	536.485	536.485	2.000.000	444	482.172	482.172	7.075	2.000.000	369	439.174	439.174
11	44	0	0	0	2.000.000	0	575.726	575.726	2.000.000	0	506.570	506.570	7.565	2.000.000	0	447.156	447.156
12	45	0	0	0	2.000.000	0	608.127	608.127	2.000.000	0	523.673	523.673	8.120	2.000.000	0	447.649	447.649
13	46	0	0	0	2.000.000	0	642.421	642.421	2.000.000	0	541.135	541.135	8.724	2.000.000	0	447.540	447.540
14	47	0	0	0	2.000.000	0	678.749	678.749	2.000.000	0	558.962	558.962	9.363	2.000.000	0	446.784	446.784
15	48	0	0	0	2.000.000	0	717.259	717.259	2.000.000	0	577.143	577.143	10.054	2.000.000	0	445.315	445.315
16	49	0	0	0	2.000.000	0	765.794	765.794	2.000.000	0	601.732	601.732	10.797	2.000.000	0	447.598	447.598
17	50	0	0	0	2.000.000	0	809.699	809.699	2.000.000	0	620.870	620.870	11.654	2.000.000	0	444.528	444.528
18	51	0	0	0	2.000.000	0	856.264	856.264	2.000.000	0	640.225	640.225	12.661	2.000.000	0	440.378	440.378
19	52	0	0	0	2.000.000	0	905.677	905.677	2.000.000	0	659.740	659.740	13.793	2.000.000	0	435.001	435.001
20	53	0	0	0	2.000.000	0	958.126	958.126	2.000.000	0	679.314	679.314	15.101	2.000.000	0	428.194	428.194
21	54	0	0	0	2.000.000	0	1.024.186	1.024.186	2.000.000	0	706.064	706.064	16.514	2.000.000	0	424.180	424.180
22	55	0	0	0	2.000.000	0	1.084.346	1.084.346	2.000.000	0	725.999	725.999	18.111	2.000.000	0	414.114	414.114
23	56	0	0	0	2.000.000	0	1.148.525	1.148.525	2.000.000	0	745.853	745.853	19.844	2.000.000	0	402.095	402.095
24	57	0	0	0	2.000.000	0	1.217.141	1.217.141	2.000.000	0	765.585	765.585	21.723	2.000.000	0	387.937	387.937
25	58	0	0	0	2.000.000	0	1.290.668	1.290.668	2.000.000	0	785.142	785.142	23.776	2.000.000	0	371.422	371.422
26	59	0	0	0	2.000.000	0	1.383.620	1.383.620	2.000.000	0	812.786	812.786	26.006	2.000.000	0	356.098	356.098





Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết				
		Phí bảo hiểm định kỳ			QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rui ro của HD chính	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước
27	60	0	0	0	2.000.000	0	1.469.850	1.469.850	2.000.000	0	832.243	832.243	28.613	2.000.000	0	334.056	334.056
28	61	0	0	0	2.000.000	0	1.562.929	1.562.929	2.000.000	0	851.157	851.157	31.639	2.000.000	0	308.514	308.514
29	62	0	0	0	2.000.000	0	1.663.694	1.663.694	2.000.000	0	869.315	869.315	35.156	2.000.000	0	278.907	278.907
30	63	0	0	0	2.000.000	0	1.773.164	1.773.164	2.000.000	0	886.484	886.484	39.232	2.000.000	0	244.588	244.588
31	64	0	0	0	2.000.000	0	1.911.961	1.911.961	2.000.000	0	911.930	911.930	43.868	2.000.000	0	207.379	207.379
32	65	0	0	0	2.044.585	0	2.044.585	2.044.585	2.000.000	0	927.169	927.169	49.180	2.000.000	0	161.575	161.575
33	66	0	0	0	2.187.457	0	2.187.457	2.187.457	2.000.000	0	940.824	940.824	55.183	2.000.000	0	108.787	108.787
34	67	0	0	0	2.340.330	0	2.340.330	2.340.330	2.000.000	0	952.675	952.675	61.957	2.000.000	0	48.097	48.097
35	68	0	0	0	2.503.904	0	2.503.904	2.503.904	2.000.000	0	962.416	962.416	52.061	0	0	0	0
36	69	0	0	0	2.705.637	0	2.705.637	2.705.637	2.000.000	0	980.058	980.058	0	0	0	0	0
37	70	0	0	0	2.894.783	0	2.894.783	2.894.783	2.000.000	0	984.994	984.994	0	0	0	0	0
38	71	0	0	0	3.097.169	0	3.097.169	3.097.169	2.000.000	0	984.945	984.945	0	0	0	0	0
39	72	0	0	0	3.313.721	0	3.313.721	3.313.721	2.000.000	0	978.954	978.954	0	0	0	0	0
40	73	0	0	0	3.545.433	0	3.545.433	3.545.433	2.000.000	0	965.863	965.863	0	0	0	0	0
41	74	0	0	0	3.831.184	0	3.831.184	3.831.184	2.000.000	0	955.031	955.031	0	0	0	0	0
42	75	0	0	0	4.099.118	0	4.099.118	4.099.118	2.000.000	0	924.513	924.513	0	0	0	0	0
43	76	0	0	0	4.385.807	0	4.385.807	4.385.807	2.000.000	0	881.692	881.692	0	0	0	0	0
44	77	0	0	0	4.692.564	0	4.692.564	4.692.564	2.000.000	0	823.653	823.653	0	0	0	0	0
45	78	0	0	0	5.020.795	0	5.020.795	5.020.795	2.000.000	0	746.554	746.554	0	0	0	0	0
46	79	0	0	0	5.425.561	0	5.425.561	5.425.561	2.000.000	0	653.772	653.772	0	0	0	0	0
47	80	0	0	0	5.805.101	0	5.805.101	5.805.101	2.000.000	0	522.415	522.415	0	0	0	0	0
48	81	0	0	0	6.211.209	0	6.211.209	6.211.209	2.000.000	0	350.088	350.088	0	0	0	0	0
49	82	0	0	0	6.645.745	0	6.645.745	6.645.745	2.000.000	0	123.020	123.020	0	0	0	0	0
50	83	0	0	0	7.110.698	0	7.110.698	7.110.698	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	84	0	0	0	7.684.053	0	7.684.053	7.684.053	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	85	0	0	0	8.221.688	0	8.221.688	8.221.688	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	86	0	0	0	8.796.957	0	8.796.957	8.796.957	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	87	0	0	0	9.412.495	0	9.412.495	9.412.495	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	88	0	0	0	10.071.121	0	10.071.121	10.071.121	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	89	0	0	0	10.883.290	0	10.883.290	10.883.290	0	0	0	0	0	0	0	0	0





Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm	Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết					
		Phí bảo hiểm định kỳ			QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rui ro của HD chính	QLBH từ vong	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HD	Giá trị giải ước	
57	90	0	0	0	11.644.871	0	11.644.871	11.644.871	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	91	0	0	0	12.459.763	0	12.459.763	12.459.763	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	92	0	0	0	13.331.698	0	13.331.698	13.331.698	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	93	0	0	0	14.264.667	0	14.264.667	14.264.667	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	94	0	0	0	15.415.127	0	15.415.127	15.415.127	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 500.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 500.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 0 đồng.

**Quyền lợi duy trì Hợp đồng** (Chỉ đảm bảo với Lãi suất cam kết và được cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng)

Đơn vị: **nghìn đồng**

Ngày kỷ niệm Hợp đồng	Với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm	Với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm	Với Lãi suất cam kết
10	8.035	7.223	6.580
15	7.153	5.758	4.444
20	9.553	6.775	4.271
25	12.867	7.829	3.703
30	17.676	8.836	2.433
35	24.961	9.587	0
40	35.346	9.612	0
45	50.055	7.406	0
50	70.893	0	0
55	100.411	0	0
60	142.226	0	0

**Quyền lợi đáo hạn:**

Đơn vị: **nghìn đồng**

Ngày kỷ niệm Hợp đồng khi NĐBH đạt tuổi	Với lãi suất dự kiến 7.0%/năm	Với lãi suất dự kiến 5.0%/năm	Với Lãi suất cam kết
95	15.415.127	0	0

**Ghi chú:**

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị giải ước nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng;
- Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”) là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm. Giá trị này được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị giải ước được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất cam kết là các giá trị được đảm bảo.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất dự kiến là các giá trị không được đảm bảo. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung có thể cao hơn hoặc thấp hơn Lãi suất dự kiến.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng, Quyền lợi đáo hạn và Giá trị giải ước trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thương gia tăng Giá trị Tài khoản và Quyền lợi duy trì Hợp đồng.
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.

**PHÍ BẢO HIỂM TÁI TỤC CỦA CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ**

**Sản phẩm bồi trợ: Bảo hiểm các Bệnh lý nghiêm trọng (BV-NR15)**

**Người được bảo hiểm:** Nguyễn Văn A  
Số tiền bảo hiểm: 500.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
35	3.400.000	40	4.400.000
36	3.500.000	41	4.700.000
37	3.700.000	42	5.000.000
38	3.900.000	43	5.400.000
39	4.150.000		

**Người được bảo hiểm:** Nguyễn Thị B  
Số tiền bảo hiểm: 500.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
31	3.200.000	36	4.200.000
32	3.400.000	37	4.450.000
33	3.550.000	38	4.750.000
34	3.750.000	39	5.000.000
35	4.000.000		

**Người được bảo hiểm:** Nguyễn Văn C  
Số tiền bảo hiểm: 500.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
8	2.500.000	13	2.600.000
9	2.500.000	14	2.600.000
10	2.500.000	15	2.600.000
11	2.550.000	16	2.600.000
12	2.600.000		

## CÁC LOẠI PHÍ

**1. Phí bảo hiểm rủi ro:** được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.

**2. Phí ban đầu:**

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	20%	15%	10%	2,5%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	6%	6%	6%	5%	2,5%

**3. Phí quản lý Hợp đồng:** 20.000 đồng/tháng.

**4. Phí quản lý Quỹ liên kết chung:** 2%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung có thể thay đổi nhưng sẽ không quá 3%/năm.

**5. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng:** trong khoảng từ 0,25%/năm đến 1%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng không rút ra khỏi Quỹ liên kết chung và Quyền lợi duy trì Hợp đồng tương ứng với Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng sẽ thuộc về Quý khách nếu Hợp đồng được duy trì đến ngày nhận Quyền lợi duy trì Hợp đồng.

**6. Phí chấm dứt Hợp đồng:** được thu khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong 07 năm phân bổ đầu tiên. Cụ thể:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng (% Phí bảo hiểm định kỳ quy năm)	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

**7. Phí rút trước và Phí dịch vụ:** được áp dụng khi có khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng và được tính theo tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng theo Năm phân bổ. Khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng Quý khách chịu thêm Phí dịch vụ (hiện tại là 100.000 đồng). Trong mỗi Năm hợp đồng, Quý khách được miễn Phí dịch vụ cho lần rút đầu tiên.

**8. Phí kiểm tra sức khỏe:** bằng chi phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

**9. Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng:** 0,3% Số tiền bảo hiểm gốc, tối thiểu: 60.000 đồng, tối đa: 300.000 đồng. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

Phí quản lý Hợp đồng và Phí dịch vụ có thể được Bảo Việt Nhân thọ điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.



### QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính (Trọn Đời Yêu Thương) và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng Trọn Đời Yêu Thương là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn KHÔNG được giảm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Hợp đồng Trọn Đời Yêu Thương sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước của Hợp đồng (nếu có) nếu Quý khách không đóng Phí bảo hiểm định kỳ trong thời gian gia hạn đóng phí là 60 ngày (kể từ ngày đến hạn đóng phí trong trường hợp Hợp đồng chưa có Giá trị giải ước hoặc kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng sau khi trừ Khoản nợ không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng).
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ được quy định chi tiết trong Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm Trọn Đời Yêu Thương và Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.

**XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)**

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm Trọn Đời Yêu Thương và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm. Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

\_\_\_\_\_  
Bên mua bảo hiểm

\_\_\_\_\_  
Chữ ký

\_\_\_\_\_  
Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm Trọn Đời Yêu Thương và Sản phẩm hỗ trợ mua kèm.

\_\_\_\_\_  
Tư vấn viên

\_\_\_\_\_  
Chữ ký

\_\_\_\_\_  
Ngày/tháng/năm